FireAnt

CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (UPCOM: PXL)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,800
SL cổ phiếu LH	175,997,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	144,645
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,200
P/E	3614.5
EPS	3

	YTD	1T	3T	6T
PXL	-7.4%	-3.1%	-16.1%	-4.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

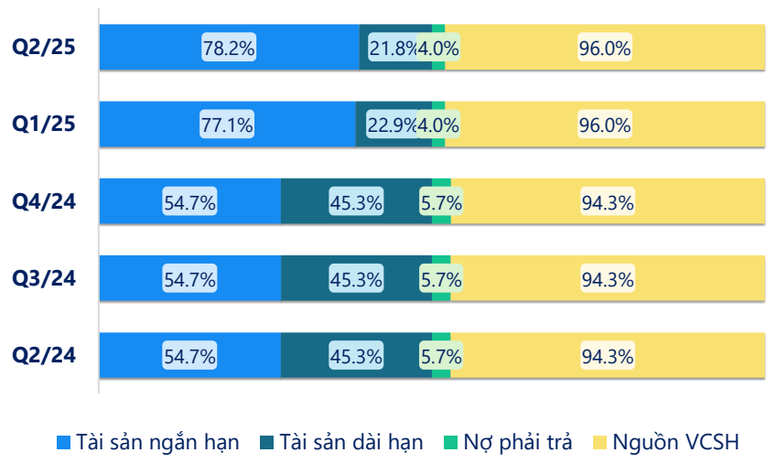

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

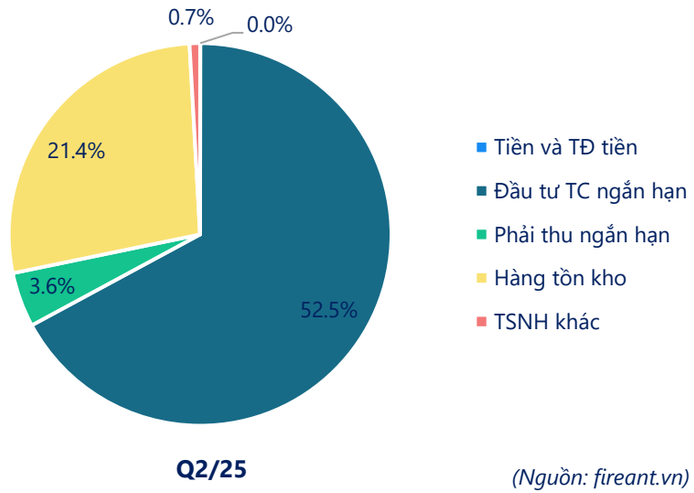

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

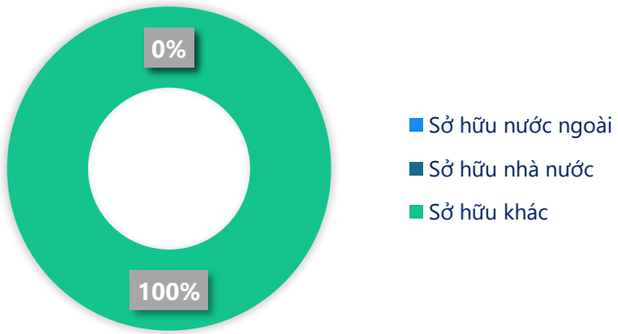

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

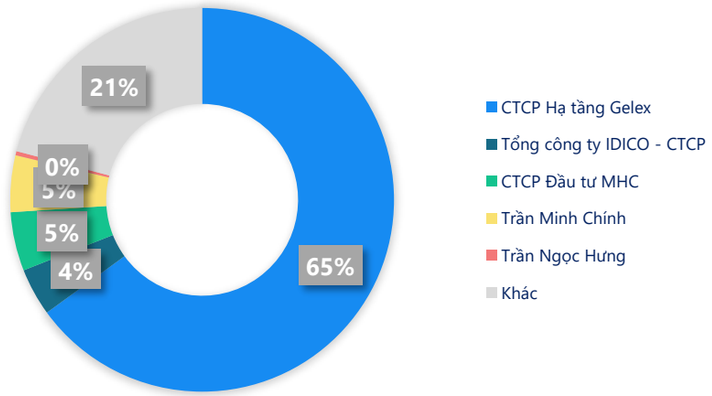

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

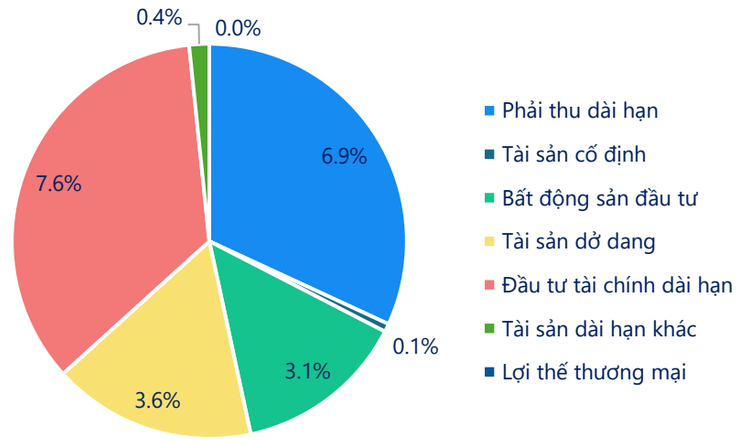

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (UPCOM: PXL)

Tiền và tương đương tiền

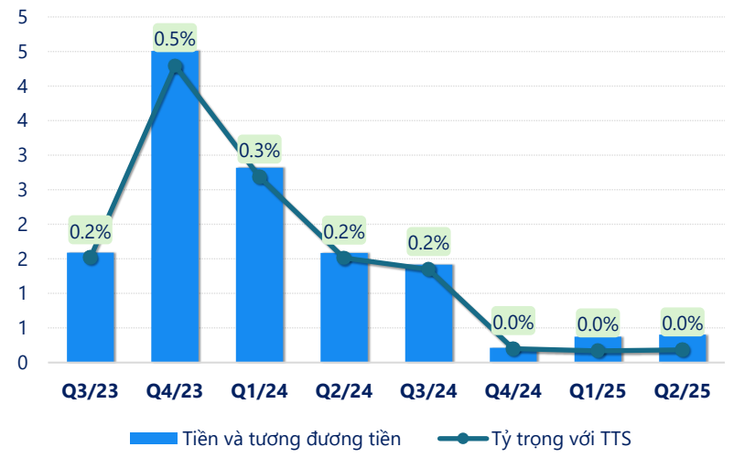

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

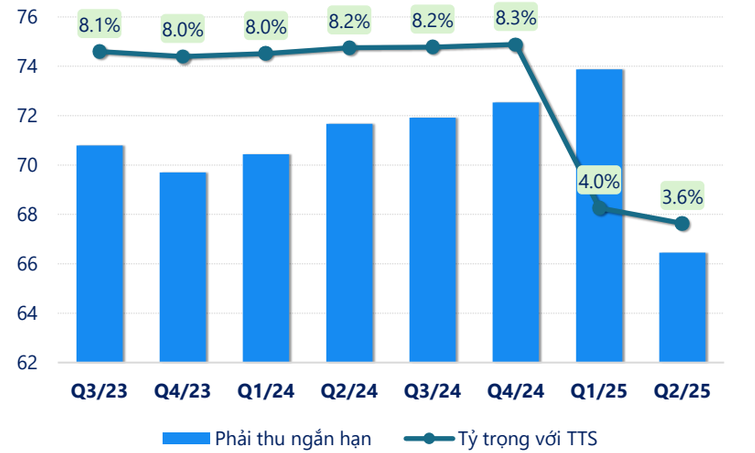

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

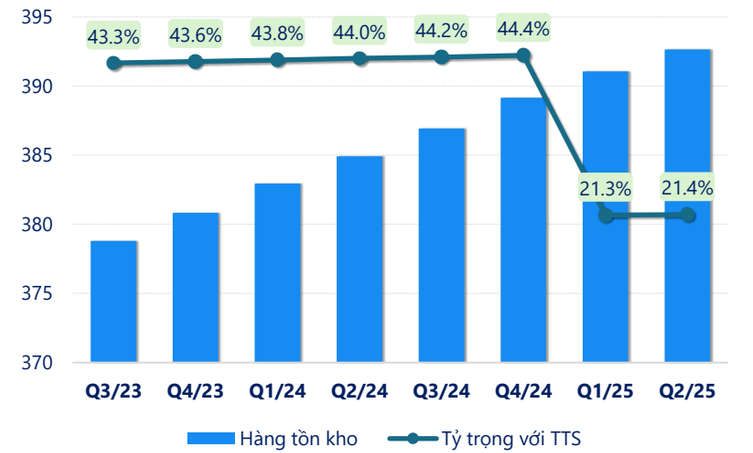

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

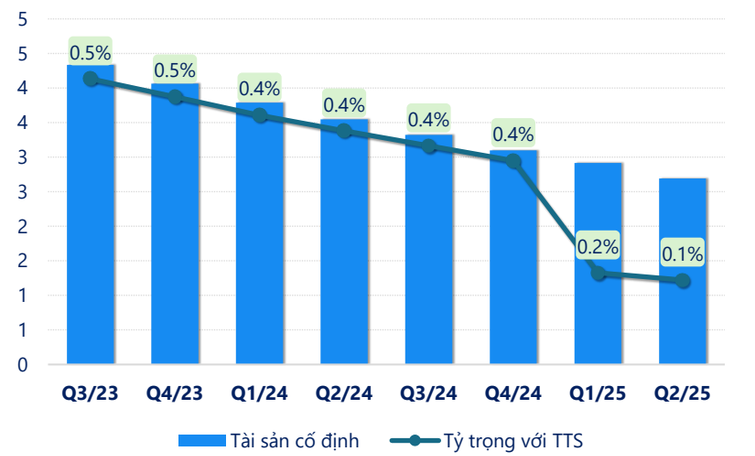

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

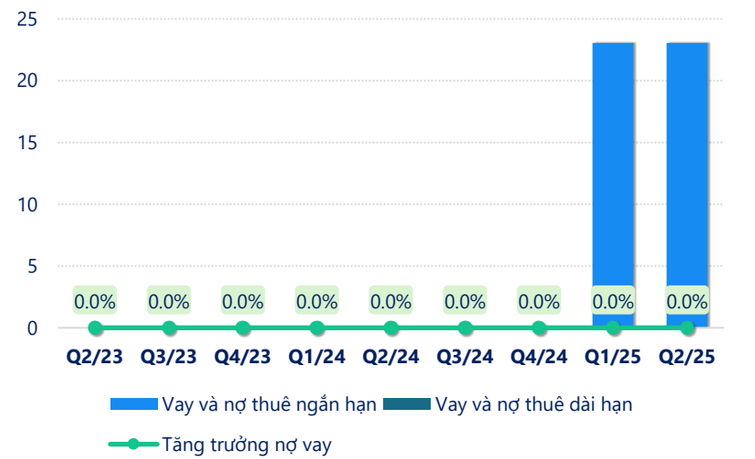

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

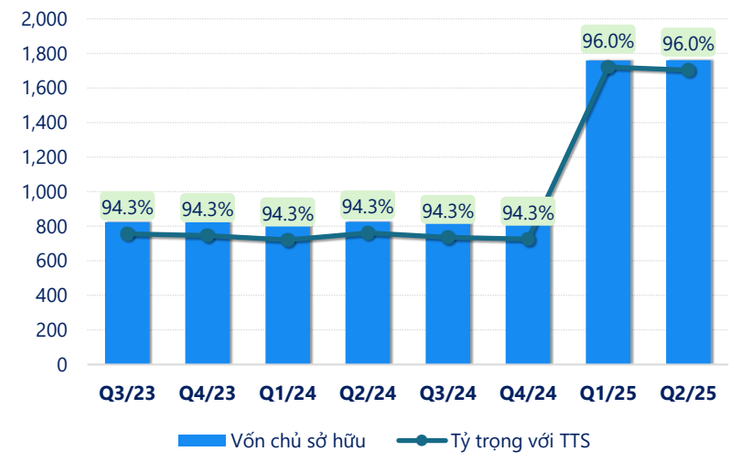

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (UPCOM: PXL)

Kết quả kinh doanh

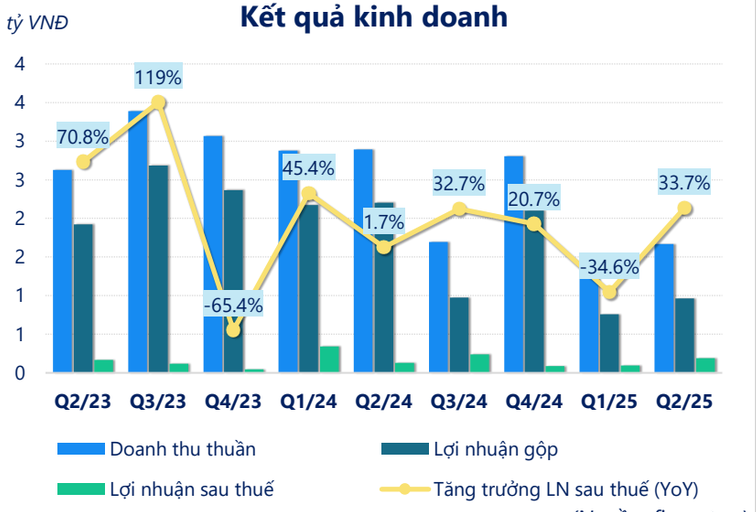

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

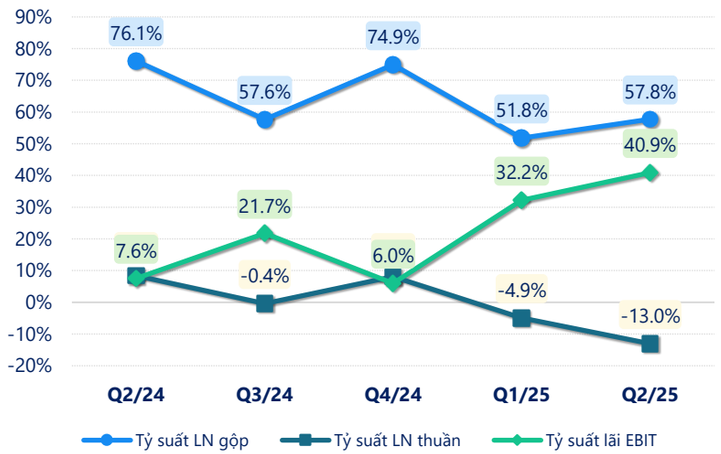

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

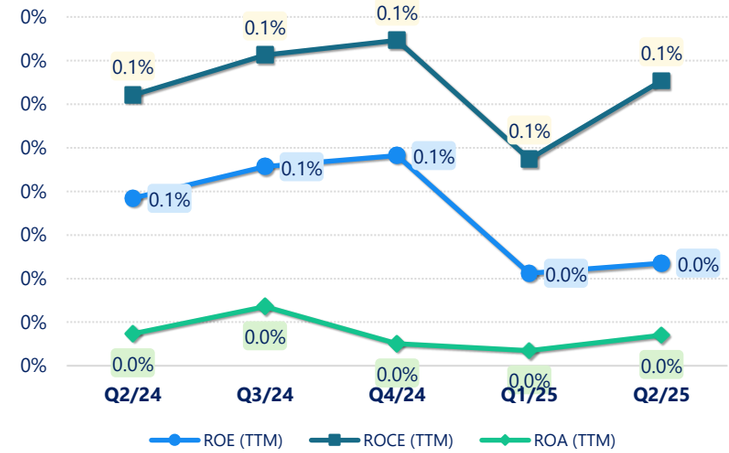

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

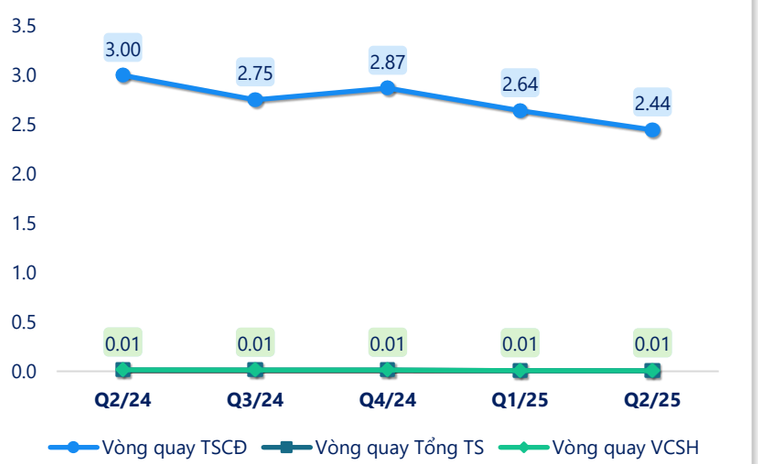

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

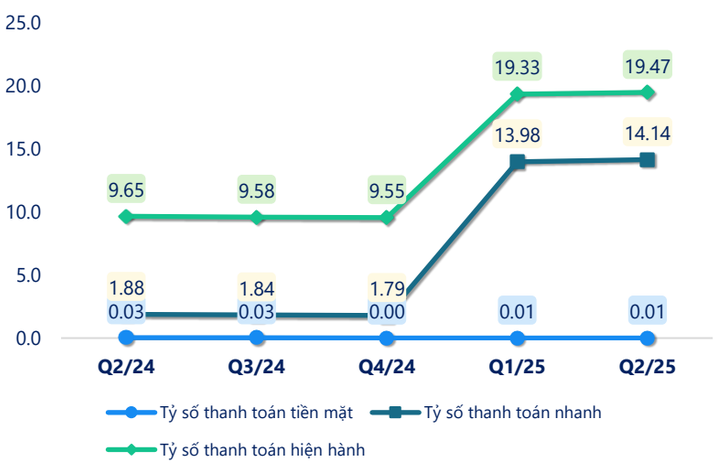

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

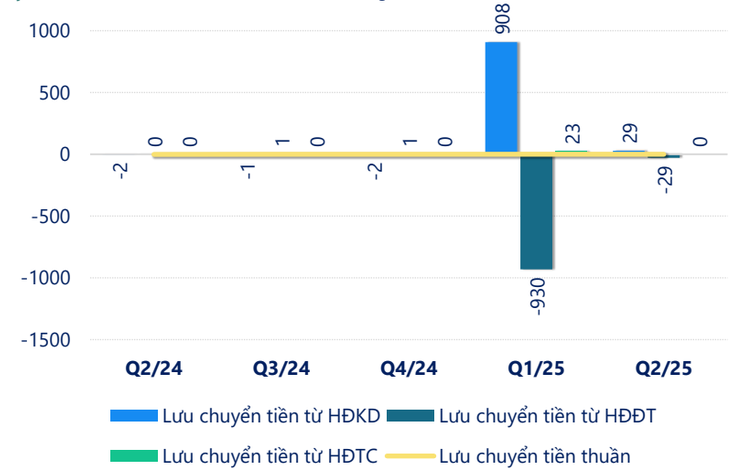

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (UPCOM: PXL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,834**	**875**	**109%**
Tài sản ngắn hạn	1,435	479	200%
Tiền và tương đương tiền	0.40	0.21	89.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	963	4.54	21103%
Phải thu ngắn hạn	66.4	72.3	-8.1%
Hàng tồn kho	393	389	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	12.6	0.2%
Tài sản dài hạn	**399**	**397**	**0.6%**
Phải thu dài hạn	127	127	0.0%
Tài sản cố định	2.69	3.10	-13.2%
Bất động sản đầu tư	56.1	57.5	-2.4%
Tài sản dở dang	66.4	61.7	7.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	140	140	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**6.53**	**7.20**	**-9.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	73.7	49.9	47.5%
Nợ ngắn hạn	**73.7**	**49.9**	**47.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.33	0.28	19.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,760**	**825**	**113%**
Vốn chủ sở hữu	**1,760**	**825**	**113%**
Vốn điều lệ	1,761	827	113%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2.89	1.69	2.80	1.46	1.67
Giá vốn hàng bán	0.69	0.72	0.70	0.70	0.70
Lợi nhuận gộp	2.20	0.98	2.10	0.76	0.96
Doanh thu HĐTC	2.01	2.03	2.15	4.41	13.6
Chi phí TC	1.06	0	0	0.29	0.37
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.29	0.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.04	0.02	0.19	0.01
Chi phí QLDN	2.89	2.97	4.01	4.76	14.4
LN thuần từ HĐKD	0.24	-0.01	0.23	-0.07	-0.22
Lợi nhuận khác	-0.02	0.37	-0.06	0.25	0.53
LN trước thuế	0.22	0.37	0.17	0.18	0.31
Lợi nhuận sau thuế	0.13	0.24	0.09	0.09	0.19
LNST của CĐ cty mẹ	0.13	0.24	0.09	0.09	0.19

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.61	-0.82	-1.87	908	28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.38	0.65	0.67	-930	-28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	23.0	0
Tiền đầu kỳ	2.82	1.59	1.41	0.21	0.37
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.23**	**-0.17**	**-1.20**	**0.16**	**0.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.59	1.41	0.21	0.37	0.40

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic